

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỐNG NHẤT  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 14-12-2021

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thùy Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Cao Thị Kim Phương

Bà Lê Thị Chúc Ngân

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Hà Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2021, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 402/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Bích V sinh năm 1988

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A, tổ 42, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Số B, ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H sinh năm 1984

Địa chỉ: Số A, tổ 42, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 7 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Trần Thị Bích V trình bày:***

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Bích V và anh Nguyễn Văn H quen biết, tìm hiểu và yêu nhau được khoảng sáu tháng thì tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B (nay thuộc thị trấn D), huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/12/2012.

Theo chị V, sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng với cha mẹ của anh H nhưng anh H không đi làm để tạo lập kinh tế gia đình mà thường xuyên cùng bạn bè đi chơi rồi gây ra nợ nần để chị V phải xoay sở trả nợ dẫn đến việc vợ chồng lớn tiếng cãi nhau, mỗi lần xảy ra mâu thuẫn anh H lại hứa thay đổi và được cha mẹ anh H hòa giải nên chị V đã tha thứ nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng mà không thể hàn gắn được. Từ cuối năm 2016, chị V và con đã về nhà cha mẹ của chị V sống cho đến nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai và không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng. Anh H và mẹ của anh H có gặp chị V để hòa giải nhưng chị V không đồng ý. Đến tháng 3/2017, chị V có nộp đơn xin ly hôn với anh H đến Tòa án nhưng vì muốn cho anh H có cơ hội để hàn gắn đoàn tụ nên chị V đã rút đơn khởi kiện nhưng anh H vẫn không thay đổi. Nay chị V nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Trần Chấn H1, sinh ngày 25/12/2013, hiện con chung đang sống với chị V. Khi ly hôn, chị V yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị V không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Bích V khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Theo bản tự khai đề ngày 27 tháng 7 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn - anh Nguyễn Văn H trình bày:***

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H thừa nhận anh và chị Trần Thị Bích V yêu nhau được khoảng gần một năm thì tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B (nay thuộc thị trấn D), huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/12/2012.

Anh H thừa nhận sau khi kết hôn anh và chị V chung sống với cha mẹ của anh H ở thị trấn Dầu Giây và trong thời gian chung sống bản thân anh có mắc nợ bạn bè như chị V trình bày là đúng, tuy nhiên số nợ chỉ khoảng vài triệu đồng và anh cũng đã tự trả nợ nhưng khi chị V biết được sự việc thì vợ chồng đã lớn tiếng cãi nhau rồi chị V tự ý đem con về nhà cha mẹ của chị V ở huyện Trảng Bom sinh sống cho đến nay. Mặc dù anh và mẹ của anh có gặp chị V để hòa giải nhưng chị V không đồng ý, vợ chồng cũng không còn quan tâm đến nhau và không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng, thì thoả anh H có đến thăm chị V và con để hòa giải nhưng chị V không đồng ý đoàn tụ. Năm 2017, chị V có nộp đơn xin ly hôn đến Tòa án nhưng anh H không đồng ý nên chị V đã rút đơn khởi kiện. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của chị V, anh H cho rằng hiện con chung còn nhỏ và anh là người theo đạo Công giáo nên anh H không đồng ý ly hôn nhưng anh H xác định không còn tình cảm với chị V và vợ chồng không có khả năng đoàn tụ.

- Về con chung: Anh H thừa nhận vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Trần Chấn H1, sinh ngày 25/12/2013, hiện con chung đang sống với chị V. Khi ly hôn, anh H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Anh H không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn H khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:***

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn và bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- *Về nội dung vụ án:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Trần Thị Bích V và anh Nguyễn Văn H được ly hôn.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Trần Chấn H1, sinh ngày 25/12/2013 cho chị V được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị V không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn - chị Trần Thị Bích V có yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung với bị đơn - anh Nguyễn Văn H. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định anh H có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:* Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

## **[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Bích V và anh Nguyễn Văn H tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B (nay thuộc thị trấn D), huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/12/2012 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

*Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:* Chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, chị V và anh H đã không còn sống chung với nhau, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình; sự việc này được anh H thừa nhận và phù hợp với kết quả xác minh ngày 12/7/2021 tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện T: “... *chị V đã về nhà cha mẹ để sống từ khoảng năm 2018, từ đó đến nay chị V và anh H đã không sống chung...*”. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để kêu gọi vợ chồng về đoàn tụ gia đình nhưng anh H không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị V. Xét mâu thuẫn giữa chị V và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị V là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 89, Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

*Xét yêu cầu đoàn tụ của bị đơn:* Anh H xác định không còn tình cảm với chị V nhưng anh H không đồng ý ly hôn vì con chung còn nhỏ và bản thân anh là người theo đạo Công giáo. Tuy nhiên, anh H cũng thừa nhận không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với chị V nên yêu cầu của anh H là không có cơ sở và không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung:* Chị V và anh H có một con chung là cháu Nguyễn Trần Chấn H1, sinh ngày 25/12/2013.

*Xét yêu cầu của nguyên đơn:* Hiện con chung đang sống cùng với chị V, yêu cầu của chị V phù hợp với nguyện vọng của con chung. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ, Hội đồng xét xử xét cần giao con chung cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

*Xét yêu cầu của bị đơn:* Anh H thừa nhận “*Hiện con chung sống cùng với chị V từ cuối năm 2016 cho đến nay và chỉ đến chiều thứ sáu cha của anh H mới đến đón cháu Hưng về chơi và chiều chủ nhật lại đưa cháu về sống với chị V để cháu đi học*”. Xét yêu cầu của anh H không phù hợp với thực tế và nguyện vọng của con chung cũng như nhận định trên nên không được chấp nhận.

[2.3] *Về cấp dưỡng:* Chị V hiện có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc cho con chung. Mặc dù đã được Tòa án giải thích pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng chị V không yêu cầu nên tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị V và anh H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

**[3] Về án phí:** Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] **Về quyền kháng cáo:** Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9; Điều 11; Điều 89; Điều 91; Điều 92; Điều 93 và Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Trần Thị Bích V.

1. *Về hôn nhân:* Xử cho chị Trần Thị Bích V và anh Nguyễn Văn H được ly hôn.

2. *Về con chung:*

2.1. Giao cháu Nguyễn Trần Chấn H1, sinh ngày 25/12/2013 cho chị Trần Thị Bích V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2.2 Anh Nguyễn Văn H được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Tạm thời anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Thị Bích V không yêu cầu.

3. *Về án phí:* Chị Trần Thị Bích V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0009999 ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị Trần Thị Bích V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CCTHADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã B, huyện T;  
(GNCKH số 177/2012)
- UBND TT. D, huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Thùy Trang**